

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS- ST

Ngày: 03 - 9 - 2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Hoàng Việt

Ông Lê Văn Cao

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Chí Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐST- DS ngày 29 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2020/QĐST ngày 17/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L; Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quốc T; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Quốc T: Ông Hồ Vinh Q, sinh năm: 1990 (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2020)

Địa chỉ: 31A Lý Thường K, khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1979

Địa chỉ: số 41 Kho D, khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Hải V, sinh năm: 1957; (vắng mặt)

2. Bà Hồng Tuyết Q, sinh năm: 1958; (vắng mặt)

3. Ông Phạm Hồng Hải Q, sinh năm 1983(vắng mặt)
 4. Ông Phạm Hồng Hải Q, sinh năm 1991(vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: số 141 đường Hùng Vương, khóm B, phường B, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Hồ Vinh Q là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 05/5/2017, bà Nguyễn Thị Ánh L có vay tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), theo thỏa thuận cho vay số 03/5/2017, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 1,66%/tháng, lãi quá hạn 2,49%/tháng. Mục đích vay là kinh doanh bán nước giải khát và sửa nhà. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 106,2m² và nhà ở diện tích 84,92m² thuộc thửa đất 268, tờ bản đồ 30, tọa lạc tại khóm B, phường B, thành phố T, tỉnh T do ông Phạm Hải V và bà Hồng Tuyết Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2539/QĐ – UBND được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 24/11/2009, đã được ông Phạm Hải V và bà Hồng Tuyết Q đứng ra bảo lãnh tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03/5/2017 ngày 04 tháng 5 năm 2017.

Sau khi hợp đồng vay đến hạn thanh toán, bà L không thực hiện nghĩa vụ và xin gia hạn nhiều lần nhưng vẫn chưa thực hiện được nghĩa vụ thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh L trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L số tiền vay 1.200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 03/9/2020 là 1.076.007.400 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/9/2020 đến khi thanh toán xong nợ theo lãi suất đã thỏa thuận.

Chấp nhận cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 106,2m² và nhà ở diện tích 84,92m² thuộc thửa đất 268, tờ bản đồ 30, tọa lạc tại khóm B, phường B, thành phố T, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2539/QĐ – UBND được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 24/11/2009 do ông Phạm Hải V và bà Hồng Tuyết Q đã thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh L không thực hiện việc trả số nợ trên cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L.

Tại bản tự khai ngày 02/6/2020, bà Nguyễn Thị Ánh L trình bày: Vào năm 2017 bà có vay của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L số tiền 1.200.000.000 đồng theo thỏa thuận cho vay số 03/5/2017, hạn trả là 05/5/2018. Số tiền này bà đứng ra vay để cho ông Phạm Hải V và bà Hồng Tuyết Q sử dụng kinh doanh. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 106,2m² và nhà ở diện tích 84,92m² thuộc thửa đất 268, tờ bản đồ 30, tọa lạc tại khóm B, phường B, thành phố T, tỉnh T của ông Phạm Hải V và bà Hồng Tuyết Q. Nay nợ trên đã quá hạn, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L yêu cầu bà trả số nợ 1.200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng thì bà đồng ý, không có ý kiến gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Hải V và bà Hồng Tuyết Q trình bày: Ông bà thừa nhận vào ngày 04/5/2017, ông bà có thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 106,2m² và nhà ở diện tích 84,92m² thuộc thửa đất 268, tờ bản đồ 30, tọa lạc tại khóm B, phường B, thành phố T, tỉnh T do ông bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2539/QĐ – UBND được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 24/11/2009 để bà Nguyễn Thị Ánh L vay số tiền 1.200.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L. Thực chất số nợ này do ông bà nhờ bà L vay nên nếu bà L không có khả năng trả nợ thì ông bà đồng ý để cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp trên để Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L thu hồi nợ gồm nợ gốc và nợ lãi của hợp đồng vay mà bà L đã ký kết với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hải V, bà Hồng Tuyết Q, ông Phạm Hồng Hải Q, ông Phạm Hồng Hải Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn Nguyễn Thị Ánh L, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hải V, bà Hồng Tuyết Q thể hiện; Vào ngày 05/5/2017, bà Nguyễn Thị Ánh L có vay tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), theo thỏa thuận cho vay số 03/5/2017,

thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 1,66%/tháng, lãi quá hạn 2,49%/tháng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 106,2m² và nhà ở diện tích 84,92m² thuộc thửa đất 268, tờ bản đồ 30, tọa lạc tại khóm B, phường B, thành phố T, tỉnh T do ông Phạm Hải V và bà Hồng Tuyết Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2539/QĐ – UBND được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 24/11/2009, đã được ông Phạm Hải V và bà Hồng Tuyết Q đứng ra bảo lãnh tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03/5/2017 ngày 04 tháng 5 năm 2017 là sự thật. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ánh L, ông Phạm Hải V, bà Hồng Tuyết Q đều có ý kiến cho rằng người sử dụng vốn vay là ông Phạm Hải V, bà Hồng Tuyết Q, tuy nhiên người đứng tên hợp đồng vay và nhận tiền vay tại quỹ tín dụng L là bà Nguyễn Thị Ánh L, sau khi nhận tiền bà Loan mới giao lại cho ông V và bà Q. Như vậy trong quan hệ giao dịch hợp đồng vay với quỹ tín dụng L thì bà L mới là chủ thể của hợp đồng nên bà L là người có nghĩa vụ phải thanh toán số nợ vay trên cho quỹ tín dụng L. Tại Tòa, bà Nguyễn Thị Ánh L đã xác nhận số nợ vay và đồng ý thanh toán số nợ này cho quỹ tín dụng. Do đó Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh L yêu cầu trả số nợ 1.200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/5/2017 đến khi thanh toán xong nợ theo lãi suất đã thỏa thuận là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp trong trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh L không thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L đã được ông Phạm Hải V và bà Hồng Tuyết Q thừa nhận và đồng ý, sự thừa nhận của Phạm Hải V và bà Hồng Tuyết Q là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03/5/2017 ngày 04 tháng 5 năm 2017 giữa ông Phạm Hải V và bà Hồng Tuyết Q với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L, hợp đồng được công chứng chứng thực hợp pháp, tài sản thế chấp là bất động sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị đơn có nghĩa vụ phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 71; Điều 86; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, Điều 320, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh L phải thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L số nợ gốc 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 06/5/2017 đến ngày 03/9/2020 là 1.076.007.400 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu không trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày 04/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 03/5/2017.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh L không có khả năng thanh toán số nợ trên thì Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 106,2m² và nhà ở diện tích 84,92m² thuộc thửa đất 268, tờ bản đồ 30, tọa lạc tại khóm B, phường B, thành phố T, tỉnh T do ông Phạm Hải V và bà Hồng Tuyết Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2539/QĐ – UBND được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 24/11/2009, đã được ông Phạm Hải V và bà Hồng Tuyết Q đứng ra bảo lãnh tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03/5/2017 ngày 04 tháng 5 năm 2017 để Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L được ưu tiên thanh toán.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh L phải chịu 77.520.148 đồng (bảy mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn một trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L số tiền tạm ứng án phí là 36.274.800 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008960 ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án ND tỉnh T;
- VKSND TP.T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Giáp Trà Giang